TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 215 /2017/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 20 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 160/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2017 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Thanh N, sinh năm 1990; Địa chỉ: 217 Phù Đổng, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 15 An Thị, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Phạm Thị Thanh N và ông Trần Quốc T (giấy chứng nhận kết hôn số 74, ngày 28/7/2010 tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân**:** Bà Phạm Thị Thanh N và ông Trần Quốc T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung**:** Bà Phạm Thị Thanh N và ông Trần Quốc T xác định có 01 con chung là Trần Phước T - sinh ngày: 07/12/2010. Ly hôn ông bà thỏa

thuận giao con Trần Phước T cho ông Trần Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên xác định không có.

- Về quan hệ nợ chung: Hai bên xác định không có.

- Án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng ông T, bà N mỗi người phải chịu là 75.000 đồng nhưng bà N tự nguyện chịu 150.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001909 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND p A, quận S, Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Lương Thị Anh